

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

Về việc: Không công nhận vợ  
chồng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Công Minh

Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc: Không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường 0/0, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh C.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường 0/0, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh K trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị K chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, bà K thường bỏ nhà đi nhậu, không chăm sóc con cái và gia đình, ông đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà K vẫn không thay đổi nên ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị A T, sinh ngày 06/6/2006, hiện đang sống cùng với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông K xác định không có

- Về nợ chung: Ông K xác định không có.

*Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà

K vẫn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Ông Huỳnh Thanh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh K và bà Nguyễn Thị K chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh K và bà Nguyễn Thị K là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông K yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận Huỳnh Thanh K và bà Nguyễn Thị K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, có 01 con chung tên Huỳnh Thị A T, sinh ngày 06/6/2006. Căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình thì mặc dù hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh K và bà Nguyễn Thị K là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nhưng quyền và nghĩa vụ của người chung sống với nhau như vợ chồng đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, hiện nay con chung do ông Huỳnh Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định về cuộc sống; con chung có nguyện vọng là xin được ở với cha là ông Huỳnh Thanh K, xét đây là ý chí nguyện vọng của cháu. Do đó, cần giao con chung tên Huỳnh Thị A T cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị K không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông K phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Thanh K và bà Nguyễn Thị K là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị A T, sinh ngày 06/6/2006 cho ông Huỳnh Thanh K tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị K không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**4.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/8/2022 ông K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001924 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 0, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**